

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán Châu Á.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL đồng loạt giảm giá, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK Châu Á, trước các lo ngại của nhà đầu tư về lạm phát và lợi suất trái phiếu Mỹ.

## [Thông tin doanh nghiệp]

VJC, VND

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, chờ các nhịp điều chỉnh của thị trường để tích lũy và dần nâng tỷ trọng trở lại cho vị thế ngắn hạn, đặc biệt trong kịch bản VNIndex quay xuống vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 1100-1110

08/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,168.27	-0.04
VN30	1,170.00	-0.33
HĐTL VN30F1M	1,165.00	-0.34
HNXIndex	263.42	+1.39
HNX30	386.46	+1.13
UPCoM	79.42	+1.09
USD/VND	23,046	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.37	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.22	+5
Dầu (WTI, \$)	66.39	+0.45
Vàng (LME, \$)	1,690.98	-0.57



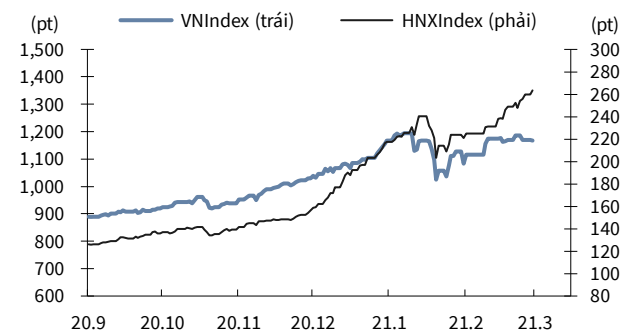
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,168.27 (-0.04%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>652.7 (+21.5%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>676.3 (+3.9%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>263.42 (+1.39%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>144.7 (-8.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>90.9 (-11.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>79.42 (+1.09%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>81.9 (-30.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>53.3 (-0.0%)</b>

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán Châu Á. Cổ phiếu nhóm dầu khí giao dịch tích cực hơn thị trường chung GAS (+2.7%), PVD (+1.8%) nhờ thị trường năng lượng bật tăng sau khi Arab Saudi thông báo các cơ sở dầu của nước này bị tấn công bằng tên lửa và máy bay không người lái. Dự báo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) về việc xuất khẩu cá tra sẽ hồi phục với mức tăng 5%, đạt khoảng 1.6 tỷ USD giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá như SEA (+6.4%), VHC (+0.1%). Bộ Công Thương phản hồi rằng chưa có kết luận về việc tạm hủy thuế tự vệ thương mại đối với phân bón DAP nhập khẩu do còn phụ thuộc vào việc đánh giá, rà soát một cách khách quan giúp cổ phiếu ngành đăm tăng giá ở BFC (+2.5%), DVP (+0.3%). Khối ngoại bán ròng ở POW (+5.2%), VNM (-0.8%), HPG (+0.7%).

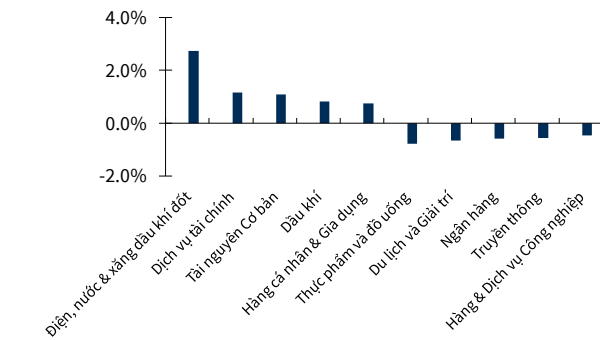
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -54.8**

## VNIndex & HNXIndex



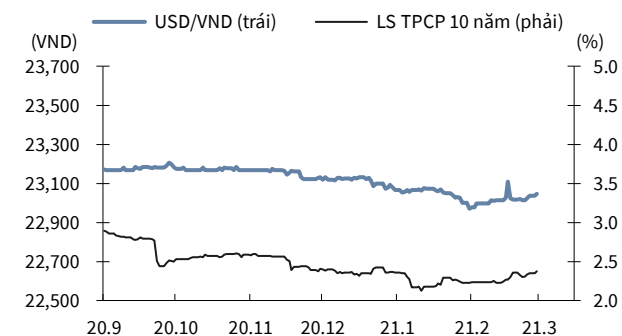
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



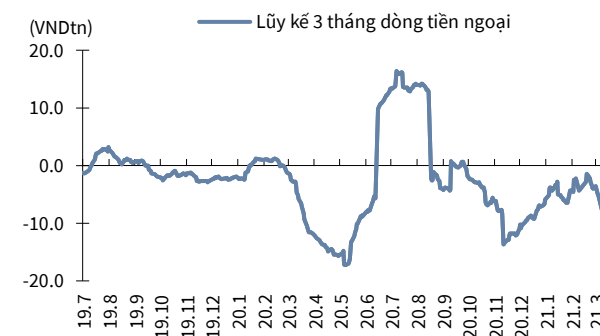
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



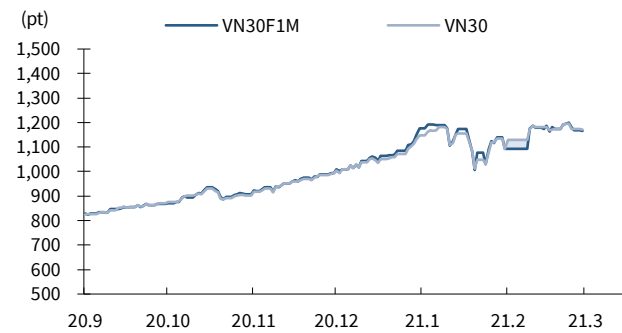
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,170.00 (-0.33%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,165.0 (-0.34%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,180.6</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,183.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,160.6</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>157,332 (-7.3%)</b>

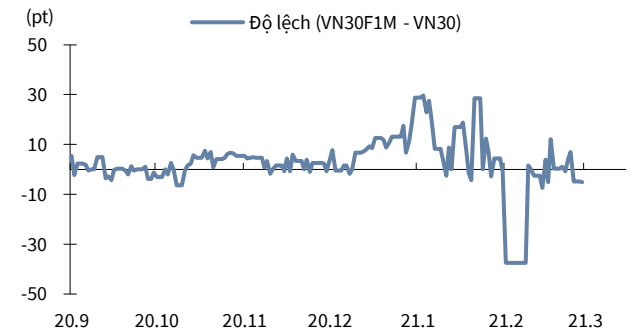
HĐTL đồng loạt giảm giá, tương đồng với diễn biến điều chỉnh của TTCK Châu Á, trước các lo ngại của nhà đầu tư về lạm phát và lợi suất trái phiếu Mỹ. Chênh lệch F2103 và chỉ số VN30 Index mở cửa ở mức -4.8 điểm cơ bản trước khi nhanh chóng tăng lên mức cao nhất trong ngày 8.5 điểm cơ bản. Chênh lệch suy yếu trong phiên chiều và đóng cửa ở mức -5 điểm cơ bản khi nhà đầu tư nội địa tăng vị thế SHORT. Nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh mua ròng. Thanh khoản ở mức trung bình thấp.

**HĐTL VN30F1M & VN30**



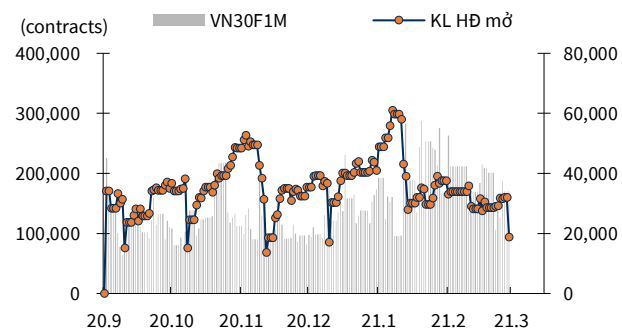
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



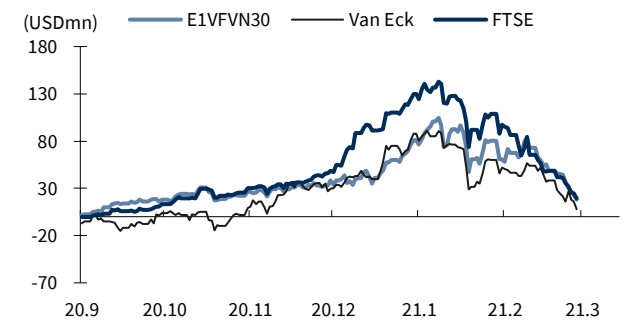
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

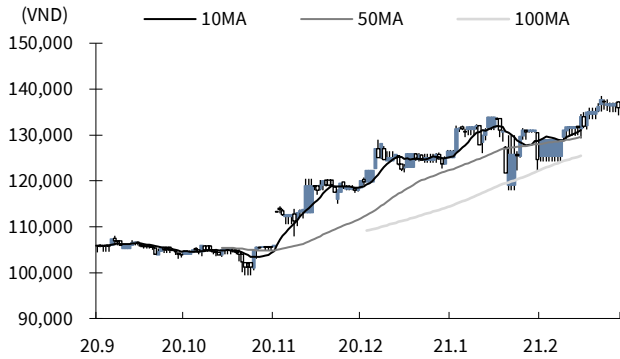
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

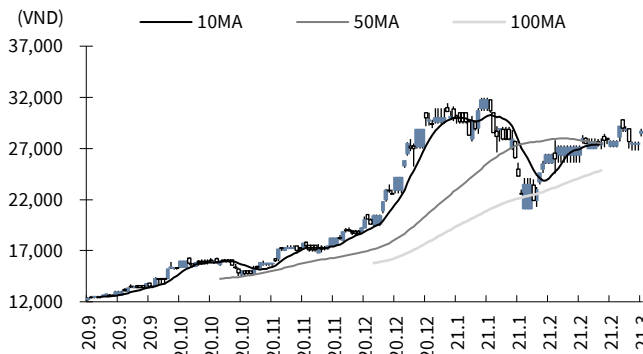
## Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm -0.6% xuống 136,000 VNĐ/cp.
- VJC thông qua phương án bán toàn bộ gần 18 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương 3.28% vốn điều lệ để tăng nguồn vốn lưu động.
- Trước đó, kế hoạch bán cổ phiếu này đã được HĐQT VJC thông qua vào tháng 8/2020. Khi đó, VJC cho biết hiện có nhà đầu tư chiến lược quan tâm toàn bộ số cổ phiếu này.

## VNDirect (VND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND tăng 4.4% lên 28,700 VNĐ/cp.
- Ông Đỗ Ngọc Quỳnh, Quyền Tổng giám đốc VND vừa ký Công văn số 133/2021 gửi các thành viên Hội đồng quản trị đề xuất việc chuyển giao dịch cổ phiếu VND từ sàn HOSE sang HNX nhằm bảo vệ an toàn cho nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường hiện nay. Sau đó, khi hệ thống giao dịch mới của TTCK hoàn thành và/hoặc sau khi Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động thì VND sẽ chuyển lại cổ phiếu sang giao dịch tại HOSE.

# TECHOMBANK (TCB)

## Tăng trưởng lợi nhuận cao với tỷ lệ nợ xấu thấp

Chuyên viên phân tích & chiến lược thị trường

Lê Anh Tùng, CFA

tungla@kbsec.com.vn

08/03/2021

**TCB ghi nhận kết quả kinh doanh tốt trong năm 2020**

Lũy kế cả năm 2020, TOI và PBT của ngân hàng đã tăng lần lượt lên mức 27 nghìn tỷ (+28.4% YoY) và 15.8 nghìn tỷ (+23.1% YoY), tương ứng với BVPS ở mức VND 21,151.

**TCB đã cải thiện mạnh mẽ chất lượng tài sản với tỷ lệ nợ xấu thấp nhất toàn ngành**

TCB chú trọng tới việc nâng cao chất lượng tài sản và an toàn hệ thống. Với việc quyết liệt xử lý các khoản vay có vấn đề, xóa những khoản vay không có khả năng thu hồi và kiểm soát chất lượng cho vay, tỷ lệ NPL của TCB trong năm 2020 đã giảm xuống mức 0.5% - thấp nhất toàn ngành. Cùng với đó, TCB đã mạnh tay trích lập dự phòng, nâng tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên mức 171% - củng cố khả năng phòng vệ trước rủi ro biến động của thị trường.

**TCB tiếp tục chú trọng tăng trưởng CASA**

Trong thời gian tới, chúng tôi tin rằng TCB vẫn có thể giữ được lợi thế CASA đứng đầu ngành nhờ (1) nền tảng công nghệ tốt; và (2) chiến lược thu hút khách hàng cạnh tranh.

**Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 49,000 VND/cp**

KBSV kì vọng tăng trưởng tín dụng của TCB trong năm 2021 đạt mức 21% (so với trung bình ngành dự báo 14%). Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu TCB. Giá mục tiêu là VND 49,000/cp, cao hơn 25% so với giá tại ngày 05/03/2021.

## Mua duy trì

Giá mục tiêu	VND 49,000
Tăng/Giảm (%)	25%
Giá hiện tại (05/03/2021)	VND 39,200
Giá consensus	VND 42,900
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	140,897

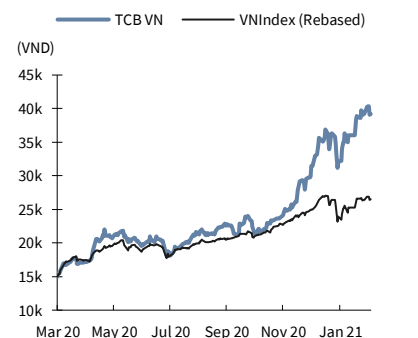
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ free-float (%)	70.0%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	563.8/24.4
Room khối ngoại (%)	0.0%
Cơ cấu cổ đông	Massan (14.96%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
TCB	24.4	8.0	58.1	75.8
VNIndex	5.9	3.7	14.4	30.8

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2019	2020	2021E	2022E
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	14,258	18,751	22,379	27,189
TOI (tỷ VND)	21,068	27,042	32,328	39,064
Lợi nhuận trước thuế (PBT)	12,838	15,800	20,536	25,601
EPS (VND)	2,878	3,516	4,592	5,743
BVPS	17,651	21,151	26,039	32,412
PE (x)	8.2x	9.0x	9.2x	8.1x
PB (x)	1.3x	1.5x	1.5x	1.3x
ROAA (%)	2.9%	3.0%	3.3%	3.4%
ROEA (%)	17.8%	18.1%	19.5%	19.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%

Nguồn: Bloomberg, Báo cáo tài chính công ty, KB Securities Vietnam

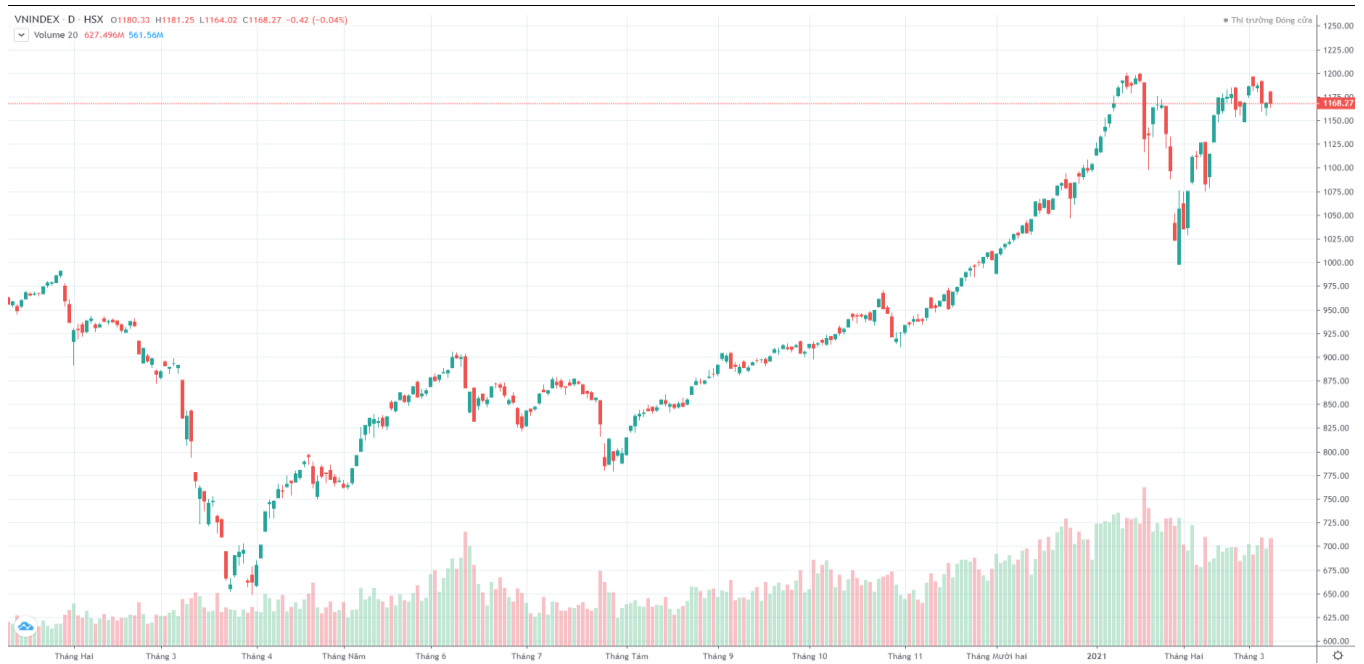


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

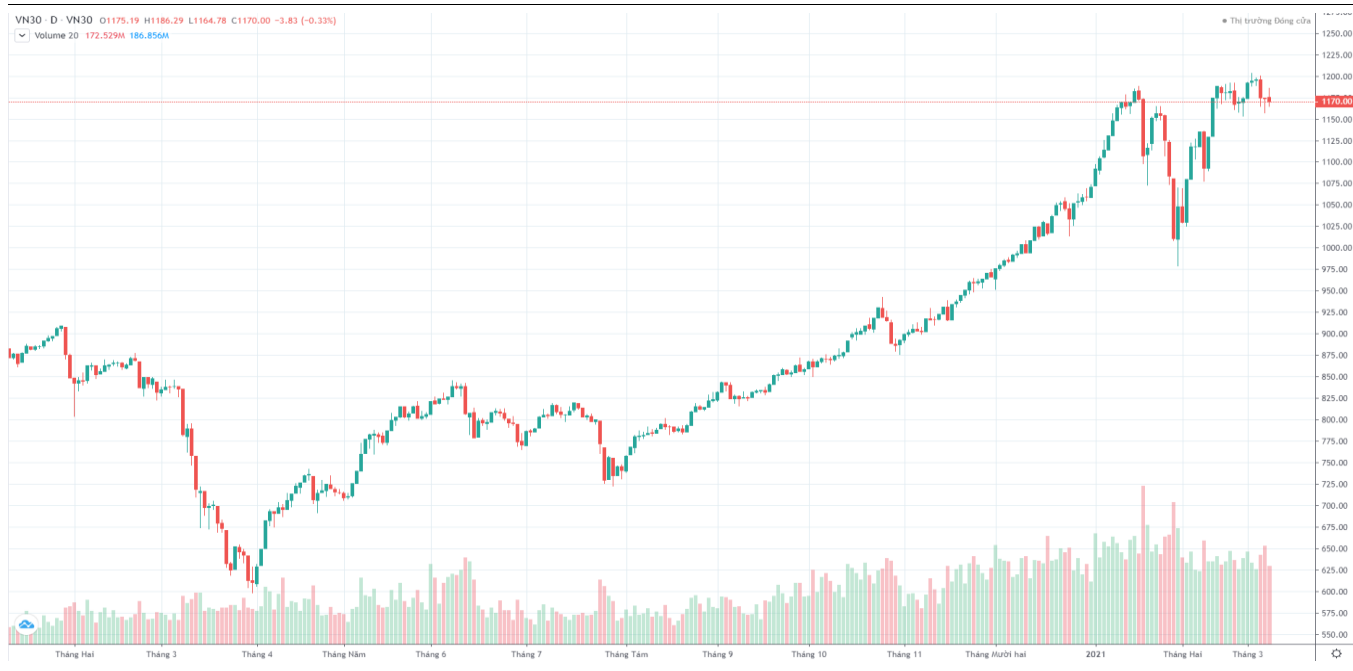
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng ngay đầu phiên nhưng sớm chịu áp lực điều chỉnh và đánh mất toàn bộ số điểm đạt được.
- Diễn biến phiên hôm nay cho thấy áp lực cung giá cao đang gây ra lực cản cho đà hồi phục của thị trường và khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn còn để ngỏ. Mặc dù vậy, xu hướng tăng hiện vẫn đang đóng vai trò chủ đạo nên chúng tôi cho rằng đây chỉ là một nhịp điều chỉnh ngắn hạn trong quá trình đi lên.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, chờ các nhịp điều chỉnh của thị trường để tích lũy và dần nâng tỷ trọng trở lại cho vị thế ngắn hạn, đặc biệt trong kịch bản VNIndex quay xuống vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại quanh 1100-1110.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1182 - 1187

Kháng cự gần: 1172 - 1175

Hỗ trợ gần: 1162 - 1164

Hỗ trợ xa: 1145 - 1150

- F1 mở gap tăng ngay đầu phiên nhưng sớm chịu áp lực điều chỉnh và sụt giảm về cuối phiên.
- Áp lực cung giá cao đang gây ra lực cản cho đà hồi phục của chỉ số và khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn còn để ngỏ. Mặc dù vậy, xu hướng tăng hiện vẫn đang đóng vai trò chủ đạo nên nhiều khả năng đây chỉ là một nhịp điều chỉnh trong quá trình đi lên.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ và chốt lời quay vòng thành từng nhịp ngắn khi hồi phục.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

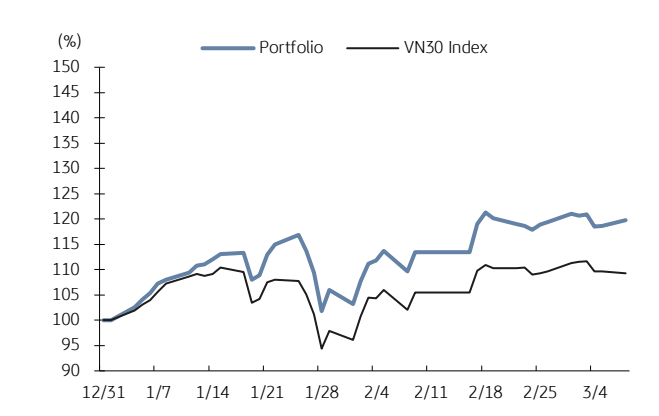
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.33%	1.01%
Tăng lũy kế (YTD)	9.27%	19.83%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	130,800	-1.1%	12.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,600	0.3%	45.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,600	-0.2%	9.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,600	0.9%	62.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,000	1.1%	64.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,800	-0.1%	126.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	37,900	-0.3%	55.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,000	2.7%	29.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,300	0.7%	136.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	39,700	6.1%	189.8%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	0.7%	15.7%	62.0
VRE	-0.3%	31.1%	26.4
FUEVFNVD	-0.5%	99.8%	14.7
DPM	-2.1%	12.5%	12.9
KBC	6.2%	21.4%	11.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
POW	5.2%	7.6%	-213.0
VNM	-0.8%	57.2%	-203.9
HPG	0.7%	30.6%	-171.5
VIC	-0.3%	14.1%	-100.0
VCB	-1.2%	23.7%	-92.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.4%	9.1%	0.9
BAX	-6.2%	8.0%	0.7
THT	2.4%	4.1%	0.6
TAR	0.4%	0.5%	0.5
MST	0.0%	0.0%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	5.3%	12.4%	-4.9
PVS	1.2%	10.1%	-1.7
APS	5.1%	17.1%	-1.2
VCS	1.6%	3.6%	-1.1
API	0.8%	39.6%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.5%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	1.9%	POM, NKG
Hóa chất	1.6%	DCM, DGC
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.1%	STK, RAL
Dịch vụ tài chính	-0.1%	VIX, OGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.6%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	-3.2%	SAB, VNM
Bất động sản	-2.5%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	-2.4%	FPT, SAM
Ngân hàng	-2.2%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	20.5%	GVR, DGC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.8%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	15.8%	HPG, HSG
Dầu khí	14.0%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	13.6%	HVN, VJC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	1.3%	ADG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	1.4%	VNM, NAF
Bảo hiểm	3.5%	PGI, BMI
Y tế	4.4%	DHG, SPM
Ô tô và phụ tùng	4.6%	TCH, DRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,000	358,538 (15,557)	148,155 (6.4)	22.6	44.4	28.1	11.1	9.0	12.7	3.8	3.3	-0.3	-2.3	5.0	-2.0
	VHM	VINHOMES JSC	97,200	319,741 (13,874)	302,290 (13.1)	26.6	10.4	8.6	37.1	30.4	28.8	2.8	2.2	-1.2	-5.6	2.6	8.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,450	78,281 (3,397)	186,384 (8.1)	17.9	26.4	19.9	-7.6	9.8	12.1	2.4	2.2	-0.3	0.6	11.5	9.7
	NVL	NO VA LAND INVES	81,400	86,606 (3,758)	174,087 (7.6)	31.6	21.6	20.0	6.4	10.4	9.4	2.6	2.2	1.9	2.1	4.8	24.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,100	17,379 (754)	51,018 (2.2)	12.8	14.2	10.8	17.7	15.5	17.6	2.0	1.7	-1.1	-4.3	0.3	6.1
	DXG	DAT XANH GROUP	22,450	11,636 (505)	193,857 (8.4)	15.3	9.4	8.4	-	19.0	18.4	1.5	1.3	0.9	-5.9	4.7	40.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	95,200	353,085 (15,321)	145,682 (6.3)	6.3	17.1	13.7	17.8	20.2	21.4	3.0	2.6	-1.2	-4.0	1.2	-2.8
	BID	BANK FOR INVESTM	42,450	170,735 (7,408)	76,497 (3.3)	12.7	17.6	11.6	4.9	13.2	16.9	2.0	1.7	0.1	-3.7	5.9	-11.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,850	136,166 (5,908)	583,728 (25.4)	0.0	9.3	8.2	14.4	17.9	17.3	1.5	1.3	-0.9	-3.4	11.0	23.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,900	141,117 (6,123)	387,859 (16.8)	1.8	8.5	7.9	61.0	18.1	17.1	1.4	1.3	-0.3	-0.5	11.3	9.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,350	101,504 (4,404)	247,017 (10.7)	0.0	8.9	7.5	18.8	19.3	19.0	1.6	1.3	-1.1	1.3	14.9	27.2
	MBB	MILITARY COMMERC	27,600	77,246 (3,352)	555,134 (24.1)	0.0	7.7	6.5	14.6	19.6	19.7	1.4	1.1	0.9	-2.6	15.5	21.1
	HDB	HDBANK	25,950	41,358 (1,795)	119,166 (5.2)	4.3	8.0	6.7	23.4	19.5	18.7	-	-	0.4	0.6	10.7	9.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,456)	413,959 (18.0)	14.3	12.8	7.7	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	-0.5	-2.6	6.9	10.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	28,500	29,402 (1,276)	110,473 (4.8)	0.0	8.0	5.7	37.5	22.3	23.4	1.5	1.2	0.0	1.8	8.8	6.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,450	22,683 (984)	8,006 (0.3)	0.2	38.0	36.8	27.3	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.3	0.0	3.9	-4.2	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	59,100	43,871 (1,904)	43,664 (1.9)	21.1	27.0	21.6	15.2	8.2	9.5	2.1	1.9	0.2	-4.4	3.0	-10.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,300	2,403 (104)	7,976 (0.3)	14.3	13.0	11.3	8.4	9.3	10.2	1.0	1.0	1.2	0.4	5.2	-14.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,550	20,097 (872)	469,917 (20.4)	56.6	-	-	0.0	-	-	-	-	0.3	-4.1	9.6	1.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	53,600	8,876 (385)	52,608 (2.3)	72.5	11.5	-	-4.0	17.9	-	-	-	1.1	-2.5	4.3	-7.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,600	9,639 (418)	143,674 (6.2)	53.1	18.2	-	-19.0	12.1	-	-	-	1.9	2.1	15.1	0.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,700	5,984 (260)	128,016 (5.6)	28.6	-	-	36.7	-	-	-	-	4.4	-1.7	10.4	-4.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	102,200	213,593 (9,268)	323,788 (14.1)	42.8	19.4	17.6	4.0	37.2	37.0	6.3	5.6	-0.8	-3.2	-2.9	-6.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	175,000	112,224 (4,870)	25,541 (1.1)	36.9	21.1	18.6	7.3	25.5	26.2	4.8	4.5	-0.8	-6.8	0.6	-10.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	87,400	102,667 (4,455)	129,525 (5.6)	16.5	36.6	21.8	-51.9	14.9	19.9	4.8	3.9	-2.0	-4.3	2.1	-1.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,600	12,859 (558)	74,355 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	2.7	-0.4	11.0	-20.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	136,000	71,242 (3,091)	92,690 (4.0)	10.7	180.9	20.8	-88.3	8.6	21.8	4.3	3.5	-0.6	-0.1	9.1	8.8
	GMD	GEMADEPT CORP	32,150	9,689 (420)	82,638 (3.6)	10.4	20.1	15.9	-57.3	7.9	10.3	1.5	1.5	-1.7	-6.4	8.8	-1.4
	CII	HO CHI MINH CITY	23,450	5,601 (243)	55,505 (2.4)	38.7	16.9	6.0	78.0	7.3	16.8	-	-	1.5	5.4	12.2	9.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,530	2,004 (087)	53,631 (2.3)	46.7	-	-	-89.3	-	-	-	-	1.7	3.2	-3.3	39.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,000	11,085 (481)	126,942 (5.5)	38.3	20.2	10.7	-13.8	9.9	14.7	-	-	0.2	2.0	14.4	2.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,100	5,430 (236)	54,335 (2.4)	3.7	10.5	10.0	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	1.7	-3.1	6.6	-5.9
	REE	REE	56,000	17,307 (751)	57,426 (2.5)	0.0	9.7	8.1	-4.5	14.7	15.3	1.4	1.2	1.1	-1.6	3.7	14.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	95,000	181,825 (7,890)	122,912 (5.3)	46.1	18.3	17.3	-18.6	19.8	20.5	3.7	3.6	2.7	3.4	20.3	9.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,600	6,506 (282)	15,531 (0.7)	32.4	13.3	9.9	-10.5	11.9	15.9	1.5	1.5	0.0	-2.2	0.4	-8.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,200	9,041 (392)	14,437 (0.6)	34.2	12.3	11.8	-5.1	11.2	12.4	1.5	1.5	0.0	-1.4	11.5	15.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,300	153,405 (6,656)	1,067,614 (46.4)	18.4	9.2	8.3	25.2	25.9	23.3	2.1	1.7	0.7	0.2	13.2	11.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,800	7,357 (319)	50,520 (2.2)	36.5	11.2	12.1	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	-2.1	7.4	18.2	0.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	16,750	8,867 (385)	70,736 (3.1)	46.2	19.7	21.7	-4.3	7.8	7.1	1.4	1.4	-0.3	19.6	33.5	19.6
	HSG	HOA SEN GROUP	28,850	12,818 (556)	282,617 (12.3)	40.3	8.9	7.6	67.9	22.0	22.5	1.7	1.5	3.2	3.0	22.8	30.2
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,700	3,260 (141)	38,328 (1.7)	97.3	9.6	8.7	21.9	10.3	11.0	0.8	0.8	0.7	-1.0	14.4	2.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	58,400	71,179 (3,089)	155,110 (6.7)	4.3	22.0	17.8	-49.7	15.9	17.2	3.1	3.0	0.7	-1.0	12.3	7.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	25,700	10,823 (470)	326,061 (14.2)	40.8	39.8	24.6	-11.9	2.0	3.0	0.7	0.7	1.8	5.3	26.6	58.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	18,750	6,068 (263)	102,590 (4.5)	36.2	10.1	9.2	-0.1	12.6	13.2	1.2	1.2	1.4	6.2	16.8	33.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	130,800	60,969 (2,646)	154,144 (6.7)	0.0	12.3	9.5	13.7	28.4	28.7	3.0	2.6	-1.1	-3.0	1.8	10.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,600	19,008 (825)	47,276 (2.1)	0.0	15.3	12.1	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	-0.2	-1.3	3.3	3.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,600	1,239 (054)	1,100 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.5	1.3	-14.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	27,800	2,196 (095)	40,719 (1.8)	31.7	14.9	12.5	-75.2	10.2	14.1	-	-	0.4	-2.3	7.3	-13.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,100	8,415 (365)	60,230 (2.6)	34.5	10.2	10.2	41.2	26.4	23.4	2.5	2.6	-1.1	0.8	8.2	-1.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,000	12,944 (562)	1,244 (0.1)	45.4	17.0	16.2	10.7	21.2	20.5	3.3	3.1	0.0	-1.8	-0.8	-4.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	77,100	5,783 (251)	149 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	0.1	-3.6	1.4	0.8
IT	FPT	FPT CORP	75,800	59,420 (2,578)	197,406 (8.6)	0.0	15.0	13.0	15.6	25.1	25.8	3.3	2.9	-0.1	-2.7	6.3	28.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhhd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.